TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 89/2022/QĐST-HNGĐ	*Hải Dương, ngày 09 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con",* theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 115/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Đồng Thị Th**, sinh năm 1987.

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: KDC Kỳ Đ, phường A, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

2. Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC Kỳ Đ, phường A, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

Người được anh T ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Chị **Đồng Thị Th**, sinh năm 1987. ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: KDC Kỳ Đ, phường A, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nghiêm Thị X**, sinh năm 1963.

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: KDC Kỳ Đ, phường A, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Giấy ủy quyền của anh

Nguyễn Văn T và chị Đồng Thị Th cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị Th và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L (nay là phường A, thành phố L), tỉnh Hải Dương vào ngày 15/3/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Thực tế anh, chị đã sống xa nhau 6 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị Th và anh T đều xác định tình cảm không còn nên cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Th, anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hữu A, sinh ngày 13/01/2011, hiện đang ở với ông, bà nội. Anh, chị thống nhất giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam anh ủy quyền cho bà Nghiêm Thị X là mẹ đẻ của anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Chị Th cũng có quan điểm nhất trí giao con cho bà X nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th, anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Th tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Anh Nguyễn Văn T có văn bản ủy quyền cho chị Đồng Thị Th thay anh giao, nhận các tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị Th đã thông báo cho anh T biết. Anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Do điều kiện công việc chị Đồng Thị Th và anh Nguyễn Văn T không thể trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án được nên anh, chị đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà Nghiêm Thị X có quan điểm: Đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu A cho đến khi anh T về nước, bà không yêu cầu anh, chị phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu A.

Con chung của chị Th, anh T là cháu Nguyễn Hữu A có nguyện vọng được ở với bố và bà nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ việc: Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án công nhận sự Th tình ly hôn giữa chị Đồng Thị Th và anh Nguyễn Văn T. Công nhận sự thỏa Th của các đương sự về việc giao con chung Nguyễn Hữu A cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên

(tròn 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu A cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đồng Thị Th và anh Nguyễn Văn T là công dân Việt Nam và đều có đơn đề nghị Tòa án công nhận Th tình ly hôn. Chị Th hiện đang cư trú tại KDC Kỳ Đ, phường A, thành phố L, tỉnh Hải Dương; anh T hiện đang cư trú tại Đài Loan. Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền và đơn xin giải quyết vắng mặt của anh T gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã được Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc chứng thực, thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của anh T. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Th và anh T đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị Th và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L(nay là phường A, thành phố L), tỉnh Hải Dương vào ngày 15/3/2010, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mỗi người ở một nơi và không có tiếng nói chung. Thực tế anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay cả 2 anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Th và anh T.

[2.2] Về con chung: Chị Th và anh T có 01 con chung là Nguyễn Hữu A, sinh ngày 13/01/2011, hiện đang ở với bà Nghiêm Thị X là mẹ đẻ của anh T. Anh, chị thống nhất giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, anh T tự nguyện không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bà X cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu A trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam. Xét thấy, thỏa Th của các đương sự phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu A, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận sự thỏa Th của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th, anh T không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th tự nguyện chịu cả lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đồng Thị Th và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa Th của chị Th và anh T, giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hữu A, sinh ngày 13/01/2011 cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam, tạm giao cháu A cho bà Nghiêm Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Th được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về lệ phí: Chị Đồng Thị Th tự nguyện chịu cả 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0000353 ngày 17/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Th đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND phường A, thành phố L, tỉnh Hải Dương.*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền